

6

SÁNG

(In theo bản của Hưng văn xuất bản 1954)

HÒA BÌNH

Hòa bình của chúng ta
Là đập lên đầu chúng nó,
Là nghiền chân trên sọ
Bọn ăn thịt loài người;
Lũ hút máu cuộc đời,
Giết cả loài chúng nó!

Hòa bình xanh biếc và son đỏ,
Nước ngọt với trời trong;
Nhà máy mới dựng xong,
Lúa vừa đóng sữa ngọt;
Mẹ hiền ru thánh thót,
Vợ trẻ ngực sinh sôi,
Chồng khỏe mạnh cày vui,

Trẻ tươi cười mắt thỏ;
Vùng trắng sáng tỏ,
Dưới lá xanh ta nhỏ lời tình,
Bao nhiêu hạnh phúc hòa bình,
Vượt gian khổ chúng mình xây dựng.

Máu chúng ta tươi nhiều.
Đất hãy còn run rẩy;
Mồ hôi ta suối chảy,
Lúa phải nảy mầm lên;
Ngực chúng ta đập rền,
Giặc phải đền tội ác;
Hòa bình! Hòa bình trên lưỡi mác
Anh xung kích Việt Nam,

Tay ta đập, ta làm
Những ngày mai ca hát.

Đứng tiền đồn Châu Á,
Triều Tiên với Việt Nam
Dưới một trời khói lửa
Tiếng bò câu bay hứa Hòa bình.

Sáng ngôi sao từ điện Kem linh
Mỗi tia ấm vòng quanh thế giới.

8-1951

TA CHÀO VÔN GA - ĐÔNG

Ta chào Vôn ga - Đông.
Tiếng hòa bình mạnh mẽ.
Hai sông nối một giàng,
Năm biển cùng giao thông.

Ta chào Vôn ga - Đông,
Chào Liên Xô vĩ đại,
Đồng chí Stalin
Mặt trời soi nhân loại;
Ta chào mừng Đại Hội
Đảng Bôn-sơ-vich thành công.

Đế quốc càng tàn hung,
Ta càng hăng diệt nó,
Nó nuôi dịch hạch, thả vi trùng,
Ta thì đào nối Vôn ga - Đông.

Người ngăn sóng chuyển núi,
Ta cải tạo thiên nhiên;
Bể hiện giữa đất liền,
Sa mạc thành vườn tược.
Vôn ga - Đông sức nước
Bằng ngàn triệu tay làm.
Nước chảy thành ánh sáng,
Thành biển bông, bãi cỏ, rừng cam.

Đất nở dưới máy cày,
Điện sáng sao làng mạc,
Rừng xanh mới liền mây,
Đồng lúa chín nho say.
Ba mươi năm gắng công
Dựng cuộc đời Xô Viết.
Địch chui xuống đêm cùng,
Lòng ta bừng rạng đông!

Cửa sổ điện Kem linh
Đêm khuya đèn vẫn dọi.
Stalin suy nghĩ
Cho nhân loại hòa bình,
Cho người vui, vật ấm,
Mãi không còn chiến tranh;
Cho chim hòa, trái đậu,
Muôn sông êm trong nắng lượn mình.

Việt Nam trong khói lửa,
Gian nan quyết vững lòng,
Giặc phá kè, phá đập,
Cướp của ta từng giọt nước sông;
Trời hạn phải ra công
Đào giếng sâu tưới ruộng;
Cả đồng bào, bộ đội
Gánh nước đổ lên đồng;
Giọt nước: mồ hôi, máu,
Lại càng yêu dấu Vôn ga - Đông.

Vôn ga - Đông chan hòa
Là của bạn, của ta,
Thành công, ta sẽ có
Vôn ga - Đông của nhà.
Kháng chiến còn gian khổ.
Nhưng mở đường thắng lợi bao la.

Lòng tôi mừng rỡ Vôn ga
Sóng bằng trăm dặm đến hòa sông Đông.
Bước đầu Cộng sản kỳ công,
Sông Hồng Hà với Mê Kông cũng mừng.

10-1952.

TẶNG ĐỒNG CHÍ TÂM GIAO

Bạn gốc gác nông dân,
Tôi ở nhiều thành thị,
Xã hội cũ chia phân
Thành hai người vị kỷ.

Những hôm đầu vào nhóm,
Ta vẫn chẳng gần nhau.
Bạn xem tôi “trí thức”,
Tôi nghĩ bạn “cường hào”.

Một hai tuần lễ qua,
Như đôi tri kỷ gương,
Thấy nhau chẳng mặn mà,
Gặp nhau là lương vương.

Nhưng hai bên cố gắng,
Bước đầu bạn đến với tôi
Bắc nhịp cầu tâm tưởng,
Kể chuyện rồi khoác vai.

Thân mật đến dần dần,
Thấy nhau không lạ nữa,
Hai tháng, mối tình thân
Xây từng ngày, từng bữa.

Từ hai người xa lạ,
Biết hay không chẳng cần,
Đảng cho ta được gần,
Gọi nhau là đồng chí.

Tôi nhìn trên mặt bạn,
Thấy những nét hồn nhiên;
Tôi thấy nụ cười hiền,
Thấy bạn là người tốt.

Nghĩ những ngày bạn ở trong bộ đội,
Ôm đau trên rừng núi Hòa Bình,
Những ngày trong địch hậu,
Bạn nằm hầm nghe tiếng giày đinh.

Kỳ kiểm thảo tham ô,
Hai đứa cùng đau xót,
Thấy xã hội cũ bùn nhơ
Đã dạy chúng mình ăn cắp.

Càng đấu tranh thảo luận
Tình thân mến càng sâu.
Không hiểu sao lúc trước
Chúng mình thành kiến nhau.

Ấy vì tư tưởng cũ
Đem hồn ta trát bùn.
Chui mình trong vỏ cứng,
Ta tự phụ rằng khôn.

Nay muốn thấy lòng người,
Phải đập tan cái vỏ!
Khởi trong, gạn đục rồi,
Lòng ta đều thắm đỏ!

Yêu bạn, tôi yêu tất cả Trường.
Đảng đưa tình lạ hóa tình thương
Rộng trên bốn biển, tình vô sản
Giải phóng lòng ta khỏi xích xiềng.

4-1953.

THƠ DÂNG BÁC HỒ

Mỗi lần tranh đấu gay go,
Chúng con đã được Bác Hồ đến thăm.
Chúng con dưới vực sai lầm,
Đang vươn mình, được Bác cầm tay lên,
Lời Cha rất mực dịu hiền,
Như là thấm nhẹ, mà xuyên vào lòng,
Con ngồi trước Bác mênh mông,
Tội nhiều, chưa dám thẳng trông Cha già.
Bác cười, vẫn đỏ nước da,
Nhưng trên trán rộng tóc đã bạc hơn.
Bác lo nghìn việc giang sơn,
Lo từng tấm áo bát cơm đồng bào;
Nghĩ từ khẩu súng, con dao,
Lại thêm Bác phải nghĩ vào chúng con.
Riêng con lầm lạc tâm hồn,
Người tuy trong Đảng, hồn còn ở xa.
Mỗi người, một lỗi xót xa,
Bốn trăm người, lỗi bao la nặng nề.
Trên đầu tóc Bác sương ghi,
Chắc đôi sợi đã bạc vì chúng con.

- Nghĩ thêm hồi hận bồn chồn,
Nhưng lời Bác dạy sắt son vững bền:
“Thoát bùn, nở đóa hoa sen,
Bùn tanh mà vẫn lọc nên hương trời”.
Mất Cha nghìn thuở sáng tươi
Dù cho con vượt qua đời tối tăm.

Hôm nay 19 tháng 5,
Lòng con vui sướng như trăm tiếng cười.
Lỗi lầm đã nói được vơi,
Hồn như nở lại dưới trời Chí Minh.
Ngày sinh nhật Bác quang vinh,
Là ngày sinh nhật hồn xanh muôn người.

19-5-1953

LÀNG CÒNG

*Một làng thuộc huyện Vĩnh Lộc (Thanh Hóa)
có 600 nhân khẩu, ở xa đường giao thông.
Nông dân sống rất vất vả; có câu tục ngữ:
“Hạt cơm làng Còng - Ăn con xương sống”.*

Sớm nay xa cách làng Còng,
Bước đi một bước, trong lòng mến yêu.
Làng Còng vất vả deo neo,
Tô đong, thóc rã bao nhiêu cấy thù.
Nông dân lao động bốn mùa,
Trồng bông, bón mía, lại vừa tủa ngô.
Mùa thường ngập lụt chẳng no,
Chiêm thời thỉnh thoảng mất khô một kỳ.
Tháng ba hái củi nặng nề,
Tháng mười kéo mật đêm khuya thức rờn.
Quay xa biết mấy trăm vòng,
Còm lưng bà mẹ trên khung cửi dài.
Nắng hồng chưa kịp sớm mai,
Lưới, nơm, người đã ngâm ngoài ruộng chiêm.
Làm mà nhà rách vách lem,
Vì chưng địa chủ nằm êm mấy tòa!

Làng Còng phát động trải qua,
Cây rung đất chuyển như là mùa xuân.
Mặt người lao động nông dân
Sáng tươi gạt hết mấy lần mây đen.
Lửa hờn nhen nhúm đêm đêm,
Thác cầm hờn đã đè trên kẻ thù,
Tôi về hai tháng không lâu,
Cùng nhau bát mẻ, chung nhau chiếu sồn.
Hạt cơm ăn của bà con
Là tình, là nghĩa, là ơn thấm nhuần.
Tay anh tôi nắm, tôi cầm,
Khổ xưa gạn kẻ, đau ngần phanh phời.
Khóc chung nước mắt ghen lời,
Cười chung sung sướng với người nông dân.
Thuộc đường, thuộc ngõ quen chân,
Ốt cay, mắm mặn, là dân lang rồi,
Mẹ nhìn con bước xa xôi,
Con nhìn mẹ khuất trên đồi lá xanh.
Sớm nay xa cách lều tranh,
Tưởng như khúc ruột còn quanh làng Còng.

11-1953.

7

MẸ CON⁽¹⁾

(In theo bản của NXB Văn nghệ 1954)

(1) Tập thơ này có 11 bài, vì có nhiều bài trùng với các tập đã in ở phần trên, nên chúng tôi chỉ để lại 3 bài (NXB Văn học).

BÀ CỤ MÙ LÒA

Nhà tranh, bà cụ mù lòa
Chiều chiều cống cháu trông nhà một thân.
Con trai hăng hái tòng quân,
Dâu hiền tất tả lo chăm việc đồng.
Một đời cấy rẽ làm công,
Làm bao nhiêu, chỉ đau lòng, thiếu ăn!
Nghèo không sắm nổi cái khăn,
Khổ như trái bưởi chìm lặn, dập vùi.
Góa chồng từ lúc bốn mươi,
Chết con ba đứa, sẩy thai một lần.
Mất đau lòng cặm mờ dần,
Người chăm, thuốc chữa một phần cũng không
Tuổi già nay sáu mươi đông,
Mười lăm năm chẳng được trông mặt trời.
Thương dâu chạy bữa lần hồi,
Sào khoai, con lợn, mù rồi vẫn chăm.
Lần mò nhúm lửa, nấu cơm,
Tối tắm sờ soạng đêm hôm ngợ ngang.
Mẹ ơi! con đến trong làng,
Con nhìn mắt mẹ lòng càng xót sa!
Một trăm năm mất nước nhà,
Nghìn năm địa chủ làm ta đói nghèo.

Mẹ mù vì thuế phải đeo,
Vì tô phải trả, lại đèo nợ non.
Một đời của mẹ héo hon,
Có hai con mắt chết mòn cả hai.
Quanh năm chỉ một đêm dài,
Sáng trời không thấy mặt người thân yêu.
Lòng bà thương cháu nâng niu,
Chỉ nghe thấy tiếng sớm chiều mà thôi!
Sáu mươi tuổi, khổ chưa rồi,
Đó là tội ác của loài dã man:
Quân địa chủ! lũ thực dân!
Chúng bay cướp cả mọi phần sướng vui!
Cướp trâu, cướp ruộng, cướp đời,
Bay còn cướp giết cả đôi mắt người.
Trả đây nước mắt, mồ hôi,
Ruộng nương, nhà cửa, cuộc đời chúng tao
Trước kia bay ở trên cao,
Bây giờ sẽ quật bay vào đất đen!
Dân cày ta đã đứng lên,
Nụ cười đem lại ở trên môi già.
Mẹ dù đau đớn mù lòa,
Ánh xuân sẽ dội chan hòa tâm can.

9-1953

MẸ CON

Mẹ bỗng con đang bú
Đi Đại hội Nông dân,
Mẹ chăm chú tinh thần,
Con trong tay thiếp ngủ.

Tay mẹ còn khe khẽ
Quạt phơ phát cho con;
Con nghênh nghênh má tròn,
Sữa còn vương trên má.

Mẹ đi từ Đồng Trầm
Về học tập trong Đình;
Chồng cán bộ thôn mình,
Vừa đấu tranh, sản xuất.

Mỗi lời nghe giảng giải,
Đau xót lại trào lên.
Con của mẹ mẹ nhìn,
Nhớ trăm nghìn khổ ải.

Năm đói, chồng đi ở,
Bị địa chủ quyt công;
Vợ thoi thóp chờ trông
Ít gạo tiền - không thấy.

Nửa năm về, tay trắng,
Con hai đứa chết rồi;
Cha sáu chục chôn vùi;
Nhà tan hoang, xơ xác.

Đi, còn quần áo tốt,
Về, quần cộc vải thưa.
Đi, khỏe mạnh cây bừa,
Về, mặt xanh xương bạc.

Con đâu không chết đói,
Năm nay đã lên mười.
Ôm con nhỏ bồi hồi
Căm tức loài gian ác.

Con cự mình, mở mắt;
Mẹ bế xốc lên hôn.
Mẹ quyết giữ lấy con
Cho lớn khôn, no ấm.

Con thơm tho, bụi bặm,
Đẹp hơn bố mẹ nhiều.
Mẹ dám nắng đen điu,
Con hồng hào, sáng sửa.

Mẹ hãy còn rách vá,
Con đã được áo hoa;
Cổ đỏ, áo hoa cà,
Mẹ dành cho con mặc.

Nửa đời mẹ đã khổ,
Nhưng con sẽ sướng vui.
Ruộng đất đổi tay người,
Nụ cười mai sẽ nở.

10-1953

ANH CÁN BỘ TRỞ VỀ LÀNG

Nhớ làng phát động không nguôi,
Hôm nay được trở về nơi ba cùng.
Con đường, bờ ruộng, khúc sông,
Bóng tre, màu rạ; như trong ruột rà.
Dù không đất tổ, quê cha,
Nơi say công tác, đó là quê hương.
Mỗi lời thăm hỏi, vấn vương;
Mỗi em níu áo, lòng thương lạ lùng!
Bước về nhà rẽ cỏ nông,
Con nay cán bộ, mẹ trong chấp hành.
Mẹ mừng, nước mắt chảy quanh,
Nấu khoai, chặt mía, như giành bấy nay:
- “Anh đi, để lại điều cay,
Mẹ trông thấy điều, ngày ngày nhớ anh.
Bữa ăn bát nhút, nồi canh,
Cháu thơ nhắc nhở nhìn quanh ghé ngồi.
Đội về, thôn xã sáng tươi,
Có anh hai tháng, cuộc đời mẹ hay”.
Nhìn nhà, nhìn cửa đổi thay,
Cháu thêm chiếc áo, chuồng nay có bò.
Bãi vườn, tạt lối quanh co,
Thăm lân, thăm xóm, chuyện trò mừng sao!

Nghe tin sản xuất nâng cao,
Mở năm lớp học, giếng đào được ba.
Hỏi thăm sức khỏe gần xa,
Trẻ em hết ghẻ, cụ già lành ho.
Hỏi thăm khoai sắn đổi, no?
Vải nay đắt, rẻ? mật giờ thấp, cao?
Hỏi mình đoàn kết ra sao?
Hỏi mưu địa chủ đũa nào còn ngoe?
- Bà con hỏi lại, muốn nghe
Những tin thắng trận, câu vè, bài thơ.
Trầu ăn thắm miệng, thuốc đưa,
Mừng trông các cụ bây giờ khỏe vui;
- Rằng : “Đi công tác nhiều nơi,
Chúng con thường vẫn nhớ khoai sắn nhà;
Không đâu bằng ở quê ta
Khoai ăn thỏa thích, nhiều mà dẻo, ngon.
Nhớ khoai là nhớ bà con
Gian lao vẫn một lòng son ngọt bùi”.

Những người đấu cật, chung vai,
Gặp nhau sao xiết rộng, dài tình thương!
Tình yêu đất nước quê hương
Là tình kính mến, yêu thương đồng bào.

5-1954

8

NGÔI SAO⁽¹⁾

(In theo bản của NXB Văn nghệ 1936)

(1) Tập thơ này có 41 bài, vì có nhiều bài trùng với các bài đã in ở phần trước (trong toàn tập này), nên chúng tôi chỉ để lại 17 bài.
(NXB Văn học)

LÒNG SAO VUI SƯỚNG HÔM NAY

Lòng sao vui sướng hôm nay:
Vừa bước xuống sân nhà nứa,
Tưởng chừng gió thổi trong cây;
Gặp bụi mai vâu đứng thẳng,
Lá tre phát nghìn ngón tay;
 Đầu nho nhỏ,
 Mắt hay hay,
Những chú chim con nói chuyện ngày.

Sẵn sàng giang tay đón
Việt Bắc là đây, ở đây.
Mưa liên mấy hôm trước
Suối chạy phăng phăng nước vãn đây;
 Chị tiếp tế
 Mảnh vai gầy,
Trở về - đôi thùng nhẹ tròn xoay!
 Cơm dẻo đỏ gay
 Muối vừng trắng xóa.

Ấy có những ngày cũng lạ!
Vui về từ đá, từ cây.
Vui tự trong lòng, trong dạ,
Vui từ thiên hạ về đây.
Vui theo suối sống phây phây,
Vui hóa thành mây bay tới;
Vui phát tự những ngày nhạc muối,
Gieo thắm từng buổi đường gai;
Má xanh môi vẫn là tươi,
Vui từ biển cả về rơi xuống đồng.

Những ngày gió lớn,
Dọn lòng mà đón lấy vui!
Hôm nay bước xuống nhà tôi,
Chợt tiếng ca đời náo nức;
Lòng sung sướng tưởng kề ngay khóm trúc
Thổi lên liền một khúc sáo say!

7-1949

CHỊ CÚC

Chúng nó cắt tay chị rồi,
Chị vẫn luôn mềm chửi rửa.
Chúng nó cắt luôn tay nữa,
Lạnh lòng chị vẫn không khai.

Chị đã qua lửa đỏ, nước sôi,
Nó đem chị khảo tra, kìm kẹp.
Người thiếu nữ Việt Nam xinh đẹp
Bị quân thù cắt xẻo từng hơi.

Máu ở hai tay chảy xiết.
Mấy phen chị ngất đi rồi.
Tóc chị máu đào bê bết.
Nhưng tinh thần chị vẫn sáng soi.

Chị vẫn chĩa vào đầu chúng nó
Cả đau thương tức nộ gầm gầm.
Bọn giết người, bọn cướp của, hiếp dâm,
Lời kết án chị vằm mặt chúng.

Một mình giữa lũ sát nhân,
Chị đứng vững trên đầu chiến lũy,
Nó không dám nhìn vào mắt chị,
Sợ căm thù của cả toàn dân.

Chính chiến thắng là người bị xẻo,
Mà xuống mồ là lũ cầm dao.
Chúng ôm đầu không biết chạy đường nào,
Vì chính nghĩa là thiên la, địa võng.

Nó chặt cả hai chân chị.
Nó theo tội ác đến cùng.
Chị Cúc tay lìa, chân chặt,
Vẫn còn sáng quắc nhìn trông.

Chị thấy yếu dần hơi thở,
Sức tuôn theo máu đã tàn.
Muôn thuở chúc Hồ Chủ tịch
Hơi cuối cùng hô muôn thuở Việt Nam.

Hăm ba tuổi trẻ sáng trong,
Chị Cúc,
“Người con gái quang vinh nước Việt”!⁽¹⁾
Máu của chị chúng tôi mang bắt diệt
Giết quân thù cho đến lúc thành công.

1952

(1) Đài phát thanh Mạc Tư Khoa gọi chị Cúc là “Người con gái quang vinh của Việt Nam”

CÁI CẶP TÓC

Tóc em chín tuổi còn hoe,
Mẹ yêu, mua cặp tóc về, mừng sao!
Vòng vòng mảnh thép thanh tao,
Không phai, không dỉ, như sao sáng lờ.
Cặp đầu em bé xinh ghê,
Soi gương rồi, sắp chạy khoe láng giềng.

Bỗng em đứng buồn phiền suy nghĩ:
- Máy bay thù rất kỳ trắng trong,
Nó ghen sắc thắm màu hồng,
Nó hằn con trẻ, muốn không chơi bời;
Long lanh cặp tóc dưới trời
Là xui bom nổ, đạn rơi đê hèn! -
Vội vàng em lấy chỉ đen
Quấn cho sắc sáng hóa liền màu than!

Tóc em tuy cặp gọn gàng,
Màu tươi trên sợi tóc vàng còn đâu.
Niềm vui con trẻ đang reo,
Máy bay đế quốc hòng theo dọa già!
Người lớn khổ, mẹ già quặn khóc,
Đến trẻ con cặp tóc không yên!
Quân thù cướp nước loạn điên,
Giết cho sạch giống ở trên đất này!

4-1954

KHÔNG SỢ

Bước vào giai đoạn gay go,
Có người những sợ với lo mà gầy!
Ngày đi thì sợ máy bay,
Đêm đi tưởng tượng sợ tay cướp đường.
Sợ ra chiến đấu tiên phương,
Sợ vào hậu địch tai ương lắm bề.
Sợ rừng mây phủ núi che,
Sợ giang, sợ nứa xanh lè quanh năm.
Sợ oai con hổ nó gầm,
Lại còn sợ rắn, đêm nằm cũng kinh:
Đường rừng lặng ngắt, vắng tanh,
Sợ người lạ mặt bên mình đeo dao,
Sợ con suối lũ ào ào,
Sợ cây gió quật ngã vào nhà tranh;
Sợ muối trắng, sợ rau xanh,
Sợ già, sợ ốm, loanh quanh sợ hoài!
Chung quy: là sợ làm người;
Cớ sao không sợ mất đời tự do?
Để lòng sợ sợ lo lo,
Mà đem tin tưởng rèn cho tính tình.
Đã vào trong cuộc đấu tranh,
Chúng ta phải đứng thẳng mình, nhìn lên!

4-1953

EM BÉ

Em ngồi bên rãnh nước,
Nghịch thả chiếc thuyền con.
Rãnh nước chảy đen ngòm,
Cổng mấy đời lưu lại.

Năm tuổi đầu nhỏ dại,
Tự kiếm lấy trò chơi.
Áo đứt cúc bụng phơi.
Ở trường từ lúc đẻ.

Nước bắn đầm thân bé,
Mũi chảy quệt ngang tay,
Em cười rất thơ ngây
Nhìn thuyền trôi, đắc ý.

Cha đi cày, mẹ cấy,
Cha đi củi, mẹ rừng,
Cha mẹ gầy sống lưng
Gánh tô đong, nợ đầy.

Ai ruột mềm máu chảy,
Ai chẳng quý yêu con;
Cay đắng quả bồ hòn:
Bỏ liều con, nuôi địa chủ!

CHỊ DUNG

*Một rễ cổ nông trong phát động quần chúng
ở làng Xuân Phả, Thọ Xuân, Thanh Hóa.*

Sáu mươi, người gọi CHỊ Dung,
Tuổi già vẫn CHỊ, chưa chồng, chưa con.
Cây xanh giam mãi hèo mòn,
Hoa tươi không nở, trái tròn chẳng đơm.
Sớm mồ côi mẹ cô đơn,
Đói nghèo cha phải đem con đường cùng,
Bán đi mấy chuối tiền đồng,
Tuổi mười lăm đã vào vòng mù Di!
Từ ngày vào cửa con nì,
Bàn tay địa chủ còn chi nhân tình!
Sớm khuya lam lũ một mình,
Cổng ngăn thăm thẳm nuốt hình chị Dung.
Mình làm, nó hưởng ung dung,
Lại còn đánh chửi, coi không phải người:
- “Chó hơn mày một cái đuôi!
”Mày hơn con chó một đôi đũa cầm!”
Tuổi xuân như đoá trắng rằm,
Nó giam, nó giữ, nó cầm hết duyên!
Mấy lần có bạn hỏi xin,
Vu oan nó đổ trộm tiền, rời xa!

Lần lữa một tuổi một qua,
Gái tơ cổ để thành ra nạ giòng,
Để mà suốt kiếp lưng cong
Làm tôi mọi nó, không mong đổi đời!
- “Thân tôi khác thể chim trời,
Đêm về ổ rác, chút rồi lại đi.
Suốt ngày ngoài ruộng biết chi,
Những rơm cùng cỏ, tha đi, gánh về.
Vùi đầu cục đất u mê,
Tối tắm bùng bít, ai hề mở ra!
Đến đêm mới trở lại nhà,
Lại đời xó bếp diễn qua đêm trường!
Đâm, xay, dậm, đập, giần, sàng,
Xay quay cái mặt, sàng ràng cái thân!
Khi tay mệt quá lả dần,
Giàng xay trở lại cuốn vùn tôi đi!
Mặt người con mẹ Hội Di,
Ai hay chúa ngục một ly chẳng rời!
May trời có tối, có mai,
Thân tôi mới nghỉ ngơi vài phút giây.
Lấp vùi bốn chục năm nay,
Chẳng hay có Đảng, không hay có Cờ;
Chẳng hay nước có Cù Hồ,
Chín năm khởi nghĩa, bây giờ mới hay;
Bây giờ Đội đến dắt tay,
Đốt bùa dán ngục, chặt dây trói hồn.
Tôi nghe trí trở về khôn,
Bước chân thêm vững, máu dồn thêm hăng;
Đứng lên đập hết bất bằng!
Con kia mưu chước chó hòng rẽ chia!

Một hôm ốm họp về khuya,
Nó bưng bát thuốc mân mê lại gần;
Hắt liền xuống đất, tôi phân:
- “Đời tao mấy chục năm trần, ai chăm!
Mày dù một bụng dao găm,
Đợi ngày ra trước nông dân gục đầu!”

*
* *

Chị Dung nay hết đoạn sầu
Đời sau phát động tươi màu cỏ hoa.
Chấp hành phụ nữ tham gia,
Hai gian ngồi được ở nhà Nông dân;
Ruộng nương, ăn họp chuyên cần;
Tuổi già chỉ một mơ gần nữa thôi:
- “Có em bé nhỏ mà nuôi,
Sớm hôm âu yếm, càng vui bội phần.”

7-1954

CHÒM VĂN SƠN

*Thuộc xã Cát Văn, huyện Thanh Chương,
Nghệ An; một nơi đã có phong trào Xô Viết.*

Đường đi một khúc Văn Sơn,
Đỏ tươi đất thịt, xanh rờn hàng cây.
Mía cao ngập mắt; khoai đầy;
Quê hương xinh đẹp nhờ tay lấm bùn.
Mấy đời xây dựng, đắp vun,
Biết bao nước mắt đổ dồn mồ hôi.
Dân cày sớm tối ăn khoai,
Một ngày được bữa trưa vài bát cơm.
Mít xanh làm nhút⁽¹⁾ Thanh Chương,
Có đâu cá thịt - cà tương cầm chùng.
Ruộng thừa nên phải đi rừng,
Đào nâu, dẫn nửa trên lưng gánh gồng.
Trai hơn bốn chục, răng long;
Gái chưa bốn chục đã hồng già mau.
Nhớ năm Xô viết càng đau,
Cường hào, đế quốc chung nhau giết người.
Phong trào dập giữa máu tươi,
Đốt tay làm đuốc, nướng đùi khoan chân.

(1) Quả mít xanh băm ra và đem muối dưa. Tục ngữ địa phương
“Nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn”.

Nhà thiêu, thiêu cả áo quần,
Ngủ trong chuồng lợn, ở lần ràn trâu. ⁽¹⁾

Khi Đội đến dẫn đầu phát động,
Một cuộc đời mới, rộng mở ra.
Văn Sơn tuy vẫn khoai, cà,
Mà phong cảnh cũ nay đã thắm hơn.
Thằng đầu sọ đã chôn xuống đất,
Bọn ác kia mất mặt, cúi đầu.
Thỏa lòng vạch hết khổ đau,
Thênh thênh đất rộng, trời cao của mình.
Khúc đường đất đỏ, cây xanh,
Bước lên thêm chứa chan tình nước non.
Gian lao vất vả đâu còn,
Thắt lưng cho chặt, cho son, ta làm!
Lòng ta giữ lấy hờn căm
Như dao có lưỡi, như tầm ngậm tơ.
Đấu tranh cho đến bao giờ
Đất không bóng giặc, ruộng về tay ta,
Đồng quê bát ngát đâm hoa,
Văn Sơn no ấm hòa ca đời đời.

3-1953

(1) Bản trâu: chuồng trâu.

NHÀ MỚI

Tặng Nông dân ở nhà tịch thu của địa chủ

Mẹ ngồi nấu cơm khoai
Trong căn nhà mới dọn.
Hơi khói vàng mới đượm
Lên miếng ngói, đường rui.

Ngói mặt trên cũ rồi;
Ngói còn hồng mặt dưới.
Vách bên ngoài lạnh lẽo;
Trong: chữ viết tươi cười.

Nhà còn rộng lắm thay,
Chưa đủ đồ bày biện.
Nhưng tối về vui chuyện,
Bát nước mới chuyển tay.

Mẹ ngoảnh lại đằng này,
Cũng nông dân mình ở.
Mẹ nhìn xa hơn nữa,
Bốn phía cũng dân cày.

Nhà thằng ác bá xưa nay,
Nó đi đèn tội, cửa này tịch thu.
Mấy tòa ngang dọc, trước sau,
Nông dân làm chủ, cùng nhau quây quần.

Nơi đá gạch giam thân
Nay hơi xuân đầm ảm.
Cửa ngán xưa thăm thẳm
Nay đón bước, hiền lành.

Xưa địa chủ xây thành
Ngồi ăn xương, uống tử.
Nhà nó xông sát khí
Mấy dặm hầy còn tanh.

Sân cướp thóc phơi quanh
Nay trẻ vào hát, nhảy.
Nhà ngang xưa máu chảy
Nay lớp dạy bình dân.

Mẹ sáu chục năm dư
Chịu lưng như, ruột thắt.
Nay cắt đầu, mở mặt,
Mẹ có nương, có nhà.

Mẹ quên cả tuổi già,
Làm bao nhiêu cũng khỏe.
Ruộng về ta lại trẻ,
Thóc lúa sẽ tăng gia.

Mẹ còn đang lược cải,
Cơm khoai đã chín bùi.
Con ra ruộng về rồi,
Cháu sắp về, tan học

Nghĩ đến xưa muốn khóc,
Nhìn ngày nay: mẹ cười.

ĐẤT NƯỚC

Tôi đứng bờ sông Lam
Tự núi chầm chẩy đến;
Đường bóng tre thân mến
Đưa tới bến đò Cung;
Tôi sang rú⁽¹⁾ Treo, thấy biếc rừng thông;
Đi khúc nữa, tôi giữa đồng lúa dịu:
Ôi cái cuộc bao vây huyền diệu
Những là chè, là mít, những là cau!
Những là chòm, là xóm đẹp như nhau!
Quay bốn phía, chỉ một màu: Đất Nước.
Thoang thoang hương cau lồng phía trước,
Rập rờn lá mít ánh đằng sau.
Những sân con liền tiếp những vườn rau,
Những mái rạ bền lâu như vạn thuở.
Và bờ giếng gốc đa đều rạng rỡ
Bước nông dân phát động dầm trên đường:
Xã Cát Văn, một mảnh đất Thanh Chương,
Mà tôi thấy cả quê hương nước Việt.

Trong chiến đấu, tình yêu càng thấm thiết:
Khi tổn công trèo hái, trái ngon hơn;

(1) Rú: núi, rừng.

Tay vỡ hoang, ruộng mới quý như con;
Cày cấy khổ, nên thóc liền với ruột.
Làng quê kia, trước tôi nhìn lạnh nhạt,
Khách thị thành vênh váo tạt vài hôm;
Từ khi làm cán bộ Đội về thôn,
Làng quê ấy tôi chăm nom khuya sớm.
Móc đất đắp bờ, lội bùn bì bõm;
Cơm khoai xẻ bát, giường nát chung nằm;
Đèn hắt hiu khêu gợi uất ngàn năm,
Đêm tố khổ chẳng ai cầm nước mắt;
Xong buổi họp chòm, mệt người ngầy ngất;
Tiếng hô rần rật Đại hội Nông dân;
Giữa đầu đường, tên địa chủ toàn thân
Như cái dẻ trước dân cày bão táp;
Hai tháng đổi đời, long trời, lở đất,
Bạn cố bản vùng dậy tựa vùng đông:
Tôi với nông dân đấu cật, chung lòng,
Chung câu hò, tiếng hét, lời mong,
Tôi suy nghĩ, tuyên truyền, động viên, xếp đặt,
Như tôi đã đổ mồ hôi, sôi nước mắt
Uớt xuống đồng, rơi vào đất Cát Văn:
Nên đến nay tôi thấy đẹp vô ngần
Mỗi mạch máu, mỗi đường gân đất nước.
Cuộc phát động đã xe dây ràng buộc
Tâm hồn tôi liền chặt với non sông;
Thấy nông dân, tôi hiểu bức thành đông;
Sâu một xã, tôi thấu toàn tổ quốc.

Và từ ấy lòng tôi mê đất nước
Như chiến dịch về, anh bộ đội lớn thêm
Thiết tha nhìn giòng sông chảy xanh êm
Và ánh đẹp chiều vàng trên ruộng lúa
Anh hò hẹn máu anh dù có
Sẽ giữ tròn làng mạc với đời nương.
Bởi vì:
 Nghìn năm Tổ quốc, quê hương
Là hòn đất trộn với xương máu mình.

8-1954

BỒ CÂU TRẮNG

Giữa thế kỷ hai mươi,
Chiến tranh vừa bắt vắng,
Nhân loại thả lên trời
Muôn vạn bồ câu trắng.

Chim bay cao, lượn rộng,
Tiếng bạn gọi nhau vang;
Qua sấm ào, chớp động,
Cuộc đấu tranh lan tràn.

Bông Liên Xô như biển,
Gạo Trung Quốc như bông;
Cẩm thạch đền Hy Lạp,
Tuyết Hy Mã Lạp Sơn;

Bọt trắng Thái Bình Dương,
Mây trời Địa Trung Hải;
Bồ câu trắng biểu dương
Đẹp, xinh toàn thế giới.

Giấy học trò sáng sửa,
Khăn mặt của tình yêu,
Thái bình khung dệt lụa,
Tay ngọc trở đường thù;

Áo trắng trẻ con chơi,
Tóc bạc ngồi kể chuyện:
Bao êm, đẹp trong đời
Chim bồ câu biểu hiện.

Chim bồ câu bay liệng,
Bọn hiếu chiến ôm đầu!
Bồ câu thành bão chuyển,
Chúng kinh hãi gườm nhau.

Đế quốc Mỹ điều hâu
Sợ bồ câu nhân loại,
Kêu inh ỏi vỡ hâu,
Bọt phều như hóa đại!

Đêm sợ ngày tràn tới,
Ăn cướp sợ người đông
Đường cùng, con quạ Mỹ
Sợ chim ca, nắng hồng.

Bồ câu trắng Việt Nam
Bay lên từ khói lửa,
Ca chiến thắng Hòa bình,
Các ngục tù phá cửa.

*

* *

Hỡi chim chiến đấu của Hòa bình
Bay lên! cánh rợp cả trời xanh!
Điều hâu với quạ xưa tan tác,
Dem lại không gian tiếng hát tình.

8-1954

GỬI NAM BỘ MẾN YÊU

Máu người không có Bắc, Nam,
Một giòng thắm chảy từ chân đến đầu.
Lòng ta Nam Bắc có đâu,
Thương yêu chỉ một tình sâu gắn liền.
Bản đồ tổ quốc treo lên,
Bắc Nam gọi tạm tên miền địa dư.
Quê hương mẹ rất hiền từ,
Lòng yêu con cái đều như nước lành.
Miền Nam nước Việt lúa xanh,
Thịt xương ta với tâm tình của ta!
Tám năm khói lửa xót xa,
Kể khi Nam bộ, những là mười niên.
Cờ kháng chiến phát đầu tiên,
Cờ thành công sẽ phát lên cuối cùng.
Địch còn tạm đóng Mê Kông,
Một ngày ruột nấu gan nung một ngày.
Ngoài ta đã sáng trời mây,
Trong ta xót nỗi bóng dày còn che.

Nhưng miền Nam hỡi! lắng nghe
Non sông, Tổ quốc luôn kề gần bên;
Sức ngày đã thắng bóng đêm,
Sáng trời sẽ sáng đều trên đất này.
“Thành đồng Tổ quốc” vững xây,
Lời cha ghi giữa nếp bay cờ hồng.
Từ ngày chiếc gậy tầm vông,
Cài răng lược, giữ ruộng đồng về ta;
Nó giành, ta lại giật ra,
Tắc sông, tắc đất hòa pha máu đào:
Lòng giữ chắc, chí nêu cao,
Bom rơi đạn nổ ào ào, chẳng lay!
Hòa bình càng siết chặt tay
Giữ liền ruộng đất, trời mây, cõi bờ;
Giữ nguyên sông núi cù Hồ,
Ngàn năm Nam Bộ cơ đồ Việt Nam!

19-8-54

BÀ MẸ MIỀN NAM

Mẹ Bình Định xa xăm.
Con Thái Nguyên công tác.
Mẹ nhớ trong khu Năm;
Con thương ngoài Việt Bắc.

Hôm cuối cùng nhìn mẹ,
Địch đang gây Hải Phòng.
Con đáp tàu ra Bắc;
Kháng chiến tám mùa đông.

Đánh giặc tám năm ròng,
Nhân dân mình đau xót,
Lửa cháy đất tàn không,
Máu rơi nghìn triệu giọt.

Năm ngoái nghe tin mẹ
Địch tràn lên quê nhà,
Thân già đi tránh nó
Quần áo bỏ rơi xa.

Mẹ trở về tay không,
Được bà con giúp đỡ.
Con đọc thư hồi lòng:
Năm nay da mẹ đỏ.

Mẹ làm quà, bán bánh.
Mẹ lao động, tăng gia;
Xưa đời buồn, mẹ khóc;
Nay mẹ vui Cộng hòa.

Mẹ bảy mươi tuổi rồi,
Sức không nhiều đâu nữa.
Mẹ cố sống thêm ngày,
Mong thấy con trước cửa.

Mong nước nhà độc lập,
Con của mẹ về thăm,
Bỏ đêm nằm mẹ nhớ
Sáu, bảy, rồi tám năm.

Con thăm lo mẹ già,
Sợ khó mà gặp mẹ;
Quân giặc cướp nước ta,
Xót xa già với trẻ.

Cảm thương muôn bác mẹ
Xa cách vạ người con,
Con nghĩ tình đất nước,
Chăm lo công tác tròn.

Nay dành lại Hòa bình
Do sức ta kháng chiến,
Con thương mẹ một mình,
Con chưa về được đến.

Mẹ ở vùng tạm đóng
Trước đây miền tự do:
Không khỏi lòng mẹ tủi,
Nhưng mẹ à, chớ lo!

Vĩ tuyến nào vĩ tuyến,
Nước của mẹ con ta
Chân nào còn lẩn quất,
Cũng đến ngày gạt ra.

Sức ta nay vững mạnh,
- Có mạnh mới Hòa bình -
Dân ta càng phấn đấu
Giữ nguyên non nước mình.

Mẹ trong ấy yên tâm,
Con ngoài này gắng sức.
Ngừng chiến, việc bằng trăm,
Chạy thi lên đỉnh dốc.

Đến một ngày sung sướng
Con được phép về nhà,
Con chạy ào vô cửa,
Mẹ vui quá khóc òa.

Con quật màn mẹ nghỉ,
Mẹ kho cá con ăn.
Ơn cụ Hồ lo nghĩ,
Nước non nay đã gần.

8-1954

CHIẾC GỐI

Ngày em khu Bốn mới ra đây,
Trăng mặt đôi ta Việt Bắc này,
Em có đem theo ra chiếc gối
Tượng trưng tổ ấm chúng ta xây.

Vải vừa, bông gọn, gối xinh xinh,
Âu yếm em thêu một chữ Minh.
Chiếc gối tượng trưng nên có một,
Đổi trao, nhường nhịn giữa em, anh.

Anh là cán bộ, em y tá,
Công tác hai nơi chẳng tiện gần.
Thỉnh thoảng em về mừng họp mặt,
Ra đi sương sớm ướt đầm chân.

Gối chung em biết đem hay để?
Cách tuổi dăm con, lại mấy rừng.
Lắm lúc nhớ nhau nhìn chỉ thấy
Những cây cùng lá, nửa cùng măng.

Đôi ta đôi lứa tuổi xuân xanh,
Quân địch gây nên họa chiến tranh,
Chúng rắc tai ương, gây cách trở,
Cắt ngang hạnh phúc, rẽ gia đình.

Cắm thù tình lạ thêm sâu sắc.
Gối chiếc ta phong lại, để dành.
Kháng chiến có ai dùng đến gối,
Miễn sao sinh hoạt gọn và nhanh.

Người đi công tác gối ba lô;
Sách vở thân yêu: gối học trò;
Bộ đội giết thù, yêu gối súng;
Nhân viên thường lúc gối hồ sơ.

Áo quần xếp lại chồng nên gối,
Bao gạo tròn êm áp má nòng.
Mưa gió đã rèn trên mái tóc,
Không ai nghĩ chuyện gối mềm bông.

Ngày đi mệt nhọc, tối thêm ngon,
Gối đất nằm sương, giấc vẫn tròn.
Chỉ sợ cụ Hồ đêm ít ngủ
Nghĩ trăm nghìn việc, gối giang sơn.

Dù trong bom đạn gieo nguy hiểm,
Vui chuyện đôi ta vẫn hẹn thường
Đến lúc hòa bình vang chiến thắng,
Sẽ may hòa mục gối uyên ương.

Hòa bình nay lại với nhân dân;
Công tác đôi ta cũng được gần.
Gối cũ lấy ra nhìn tựa mới,
Trong bông như sắp nở hoa xuân.

Em đem kim, chỉ, vải, bông ra,
Chiếc gỏi may thêm gỏi cửa nhà,
Gỏi khói ban chiều, đèn giữa tối,
Gỏi câu trò chuyện, tiếng hòa ca.

Gỏi trên đôi gỏi của tình yêu,
Ta nhớ bao nhiêu dốc với đèo,
Ta nhớ gập ghềnh đường cách mạng,
Trước và sau nữa hãy đeo neo.

Mắt ta tuy ngủ, lòng ta thức.
Gỏi của em, anh cộm, chẳng mềm:
Gỏi dẫu nhồi tơ hay bọc gấm,
Còn quân hiếu chiến, gỏi chưa êm!

Ta canh, ta giữ lấy Hòa bình.
Giữ lấy non sông, giữ lấy tình!
Giữ gỏi sum vầy, và phân đấu
Cho nghìn gỏi lẻ được xây quanh.

9-1954

TẶNG NHÀ THƠ PA THÉT LÀO: XÔM XI

Gửi lời thăm bạn Xôm Xi,
Tình thi sĩ Việt yêu thi sĩ Lào.
Tay chưa bắt, mặt chưa chào,
Lời ăn tiếng nói thể nào chưa hay,
Mà lòng đã hẹn nhau ngay,
Xem thơ bạn, tức là đây tâm hồn!
Là đẹp để nước non yêu quý,
Bắc rậm rừng, hùng vĩ núi non;
Nam theo sông Cửu Long tuôn,
Suối quanh chảy khắp, làng thôn mọc đều...
Vài câu bạn nói thân yêu
Tôi xem thấy hiện phỉ nhiêu nước Lào...

Như đất nước thấm vào thi sĩ
Hoa tươi hơn, trời ý nhị hơn;
Tình yêu mô tả giang sơn
Nét sông thêm đẹp, đường non thêm hùng.

Lòng tôi cũng như lòng bạn đó,
Nước Việt tôi ngàn thuở tôi yêu;
Biển dài, sông rộng, gió hiu,
Núi xoa sương biếc, đồng thêu nắng vàng,
Chúng ta nhiệm vụ vẻ vang,
Vần thơ tiếng mẹ võ trang tinh thần.

Đời đời Lào Việt giao thân,
Xôm Xi, tôi với bạn gần biết bao!
Hai dân tộc Việt Lào anh dũng
Chim bay lên giải phóng gọi bầu,
Tiếng hòa vang động trời mây,
Cánh tung bên ấy bên này Hoàng Sơn.

1954

NĂM BỆNH VIỆN

Đêm khuya mê tỉnh bàng hoàng,
Dường như ai ở bên màn với tôi...
Ngực đau, trán vã mồ hôi,
Ngọn đèn con đã chăm soi đến gần;
Tay người lau trán, đắp chăn,
Khẽ như sợ động tinh thần người mê.
Còn ai rên rỉ đêm khuya,
Ngọn đèn con lại lần đi thăm chừng...
Ngoài hiên đêm tối mấy từng,
Sương đông xuống lạnh; vang rừng dế kêu;
Nhưng lòng êm biết bao nhiêu
Như, đau, nằm giữa tình yêu ấm, dày.
Đó là những bàn tay hộ lý
Y tá và bác sĩ chăm nom;
Chiều chiều, sớm sớm, hôm hôm,
Cưu mang lòng mẹ thương con khác nào.
Khiến cho tình cảm dạt dào.
Cơm quên đắng miệng, thuốc vào mát da.

*

* *

Nhà thương để quốc lập ra,
Rễ khinh là thịt, là da con người.
Nông dân đau ốm rụng rời,
Cửa nhà thương thí và nơi tử sâu;
Cửa xương cắt thịt mặc dầu,
Giường đau lẫn lộn, ai đâu xót tình!
Nay đất nước của mình làm chủ,
Bệnh viện dù tre nửa đơn sơ,
Rừng che bóng điểm lúa thưa,
Thuốc tuy san sẻ còn chưa đủ đây,
Nhưng con người ở nơi đây
Quý hơn tất cả bạc này, vàng kia;
Chăm từ cơm cháo sớm khuya,
Chẳng kiêng nhẹ, nặng; không nề sạch, dơ.
Mười năm lòng của Cụ Hồ
Đức mệnh mông thấm dân vô mọi lòng,
Dạy người phục vụ gắng công,
Dạy người ốm cũng thấy hồng đời vui.

*

* *

Nơi thuở trước ngậm ngùi chua xót
Nay sáng trong, đẹp tốt, hiền hòa:
Tươi cười bệnh viện bước ra,
Mến yêu Dân chủ Cộng hòa Việt Nam!

1954-55

TA CHÀO VIỆT BẮC, VỀ XUÔI

Núi xa khoác áo màu xanh nhất,
Suối gần hát tiếng tuyệt vời trong...
Chim rừng ríu rít ca tha thiết,
Buổi tiễn đưa, Việt Bắc đẹp vô cùng.

Ta chào Việt Bắc, ta xuôi,
Bước chân lưu luyến, nụ cười tình chung.
Tám năm đường tỏ ngộ thông,
Quen bao đỉnh dốc, đầu sông, ngọn nguồn.
Tám năm chung sống vuông tròn,
Núi rừng nuôi dưỡng đứa con đồng bằng
Cây cây, núi núi trùng trùng,
Quê hương cách mạng oai hùng, phẩm nghiêm.
Dưới cây, trong núi, ngày đêm
Trí người, sức óc rèn nên thép đồng.
Đúc thành vũ khí vô song,
Cứng trong kháng chiến, bền trong hòa bình.
Tấm lòng Việt Bắc đĩnh ninh
Của trao ta giữ như hình bóng ta.

*

* *

Ta nhìn tảng đá, nhìn con suối,
Nhìn khóm hoa mua, đám cỏ may,
Nhìn bản đứng trong thung lũng hẹp,
Nhớ chung phong cảnh sống bao ngày.

Chiều tiếng mõ trâu khua lóc cóc,
Đêm nghe chảy nước giã đầu đây...
Ào ào suối lũ, âm âm thác,
Có lúc lòng khe lại cạn bầy...

Lúc ẩm hơi rừng, cơn sốt rung.
Khi đêm đông lạnh, bếp ta hồng.
Đốt từng cây gỗ tha hồ sưởi,
Sắn nướng vàng rồi, ta bẻ chung.
Lách tách lửa reo, câu chuyện nở,
Trường kỳ kháng chiến vẫn cười tung!
Anh em đồng chí quây đẩu lại,
Bác ở bên ta, Đảng ấm lòng.

*

* *

Ta chào Việt Bắc, ta xuôi,
Quê hương cách mạng muôn đời suy tôn
Mẹ nghèo vẫn cố nuôi con:
Lúc bụi măng nứa, khi ngon củ mài,
Sẻ từng hạt muối cắn đôi,
Nhà sàn chung ở, chăn sui đắp cùng.

Khi lên: non nớt, ngại ngùng,
Khi về: thép ở trong lòng đã tôi
Xưa nay ly biệt ngậm ngùi,
Giờ đây đưa tiễn là vui lên đường.
Rời quê hương, đến quê hương,
Thủ đô năm cánh sao vàng chờ ta.
Tám năm Hà Nội cách xa,
Tám lòng Việt Bắc cùng ta trở về.

10-1954

ĐI TỚI MẠC TƯ KHOA

Đường đi tới Mạc Tư Khoa
Qua Hồng Hà, qua Dương Tử, Hoàng Hà.
Trung Hoa vĩ đại
Giao hòa Hà Nội - Mạc Tư Khoa.

Đường đi tới Mạc Tư Khoa
Mênh mông đất rộng, bao la sông dài.
Máy bay đưa tận ngang trời,
Đường xe lửa phóng liên hồi ngày đêm.

Mạc Tư Khoa!
Nói đến tên, đã sung sướng chan hòa;
Yêu trong ánh, hướng nữa là đi đến!
Trái đất đi giữa tinh cầu, hãnh diện
Trên mình có Mạc Tư Khoa;
Có Liên Xô, nước xã hội của ta,
Không người đói, không còn người dưới ách.
Trên điện Kremlinh
Ngôi Sao Đỏ của Tháng Mười hiển hách,
Lửa bùng cao trong giông tố đấu tranh,
Ngọn hải đăng trên mặt biển hòa bình.

Ta đi tới Mạc Tư Khoa phía trước,
Cơm áo, mặt trời, nụ cười, suối nước,
Mộng nghìn xưa thành sự thực nên thơ.

Mỗi người tâm niệm ước mơ
Trong đời được thấy Liên Xô một lần;
Nghe Mạc Tư Khoa mỗi phút mỗi gần,
Trái tim ta rạo, tinh thần ta trong.
Bánh xe lửa quay vòng thép sáng,
Cánh tàu bay lướt áng mây xanh;
Đường rút ngắn, gió bay nhanh,
Bốn phương quây lại Kinh thành Ngôi sao.
Người chưa thấy ngẩng cao mong ngóng;
Kẻ thấy rồi lòng lộng thêm tin;
Người đang đi tới - trông lên
Chưa xem lầu điện, chưa nhìn dòng sông,
Đã giơ tay đón ánh hồng,
Nhìn Ngôi Sao Đỏ ở trong tâm hồn.

Mười năm trước, cuộc ta đời tăm tối,
Ngàn trùng đêm xa lối Mạc Tư Khoa;
Dân tộc ta mất nước, tan nhà;
Ta u uất ghen lời ca giữa cổ.
Đường tranh đấu có Ngôi Sao Đỏ,
Nước ta nay đã một nửa trời hồng;
Dân ta thề dẹp biển nổi đêm đông;
Đứa con nước Việt được lên đường rực rỡ
Tới Bắc Kinh, cửa Thiên An tới đó,
Tới đời vui; tới Mông Cổ tươi cười...
Mạc Tư Khoa! Tới đây rồi!
Muốn hôn mảnh đất sáng ngời Liên Xô.

9-1955

*Một làng thuộc huyện Vĩnh Lộc (Thanh Hóa)
có 600 nhân khẩu, ở xa đường giao thông.
Nông dân sống rất vất vả; có câu tục ngữ:
“Hạt cơm làng Còng - Ăn con xương sống”.*